**KIỂM TRA GIỮA KÌ II - MÔN TIN HỌC 8 - NĂM HỌC 2018-2019**

**GV BỘ MÔN: HOÀNG THỊ TUYẾT ANH**

**1.Bảng trọng số: ( H=0.7)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội Dung | Tổng số tiết | Tiết LT | Chỉ số | Trọng số | Số Câu | QĐ/ĐS |
| LT | VD | LT | VD | LT | VD | TN | TL |
| **Chủ đề 1: *Chương trình, NNLT, các lệnh nhập, xuất, hằng và biến*** | 8 | 6 | 4.2 | 3.8 | 26.3 | 23.8 | 5 | 5 | 3**1.5đ** | 3**3.5đ** |
| ***Chủ đề 2: Các kiểu dữ liệu, lệnh gán và biểu thức*** | 4 | 2 | 1.4 | 2.6 | 8.8 | 16.3 | 2 | 3 | 3**1.5đ** | 1**1đ** |
| ***Chủ đề 3: Cấu trúc rẽ nhánh*** | 4 | 2 | 1.4 | 2.6 | 8.8 | 16.3 | 2 | 3 | 2**1đ** | 2**1.5đ** |
| **Tổng số**  | **16** | **10** | **7** | **9** | **43.9** | **56.4** | **9** | **10** | **8****4đ** | **6****6đ** |

**2/ Ma trận đề kiểm tra:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng****thấp** | **Vận dụng****cao** | **Tổng điểm** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **Chủ đề 1: *Chương trình, NNLT, các lệnh nhập, xuất, hằng và biến***  | Câu 1, 2, 31.5 đ |  |  | Câu 1Câu 2 2đ |  | Câu 31.5đ |  |  | **6 câu****5 đ** |
| **Chủ đề 2:** ***Các kiểu dữ liệu, lệnh gán và biểu thức*** |  |  | Câu 4,5,61.5đ | Câu 41đ |  |  |  |  | **4 câu****2.5đ** |
| **Chủ đề 3:** ***Cấu trúc rẽ nhánh*** |  |  | Câu 7,81đ |  |  |  |  | Câu 5, 61.5đ | **4 câu**2.5 đ |
| **Số câu:****Tổng điểm:** | **3****1.5 đ** |  | **5****2.5đ** | **3****3đ** |  | **1****1,5đ** |  | **2****1.5đ** | **14****10đ** |

**3. Bảng mô tả đề kiểm tra:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Câu*** | ***Nội dung*** |
| Câu 1 | TNKQ-NB: Biết các quy định đặt tên trong Pascal |
| Câu 2 | TNKQ-NB: Biết các khai báo trong Pascal |
| Câu 3 | TNKQ-NB: Biết các lệnh nhập xuất trong Pascal |
| Câu 4 | TNKQ-TH: Hiểu các kiểu dữ liệu trong Pascal |
| Câu 5,6 | TNKQ-TH: Hiểu lệnh gán trong Pascal và biểu thức trong Pascal |
| Câu 7,8 | TNKQ-TH: Hiểu nguyên tắc hoạt động của câu lệnh điều kiện |
| Câu1-TL | TL-TH: Hiểu và trình bày được các bước tạo ra một chương trình máy tính |
| Câu2-TL | TL-TH: Hiểu và trình bày được cấu trúc của một chương trình Pascal |
| Câu3-TL | TL VDT: Viết được chương trình có sử dụng biến và các câu lệnh nhập xuất  |
| Câu 4 | TL-TH: Hiểu và sử dụng được các phép toán trong NNLT |
| Câu 5 | TL-VDC: Vận dụng các kiến thức đã học để viết chương trình |
| Câu 6 | TL-VDC: Vận dụng kiến thức đã học viết chương trình giải quyết bài toán thực tế. |

**4. Đề bài**

**Phần I/ Trắc nghiệm: (4 điểm).**

**Khoanh tròn chữ cái đầu tiên trước mỗi câu trả lời đúng.**

**Câu 1**. Trong các tên sau đây, tên nào là hợp lệ trong ngôn ngữ Pascal?

A. 9baitap B. tu giac C. baitap9 D. bai tap

**Câu 2**. Hãy chọn khai báo đúng trong các khai báo sau đây:

A. const x = y = 5; B. Var y: real;

C. Const m: integer; D. Cosnt n=8;

**Câu 3.** **Trong Pascal câu lệnh Writeln hoặc Write được dùng để:**

A. In dữ liệu ra màn hình B. Đọc dữ liệu vào từ bàn phím

C. Khai báo biến D. Khai báo hằng

**Câu 4.** **Giả sử B được khai báo là biến với dữ liệu số nguyên, Y là biến có kiểu dữ liệu kí tự phép gán nào sau đây hợp lệ?**

A. Y = “Tin hoc” B. Y:= 6789;

C. B:= 2009; C. B:= “ Anh van”;

|  |
| --- |
| **Câu 5: Tính giá trị cuối cùng của c, biết rằng:** a:= 3; b:= 5; a:= a + b; c:= a+b; |
|  **A.** c= 13 |  **B.** c=3 |  **C.** c= 8 |  **D.** c= 5 |

**Câu 6: Cách chuyển biểu thức ax2 +bx+c nào sau đây là đúng**

A. a\*x2 +b\*x+c B. a\*x\*x+b\*x+c\*x

C. a\*x\*x +b.x +c\*x D. a\*x\*x + b\*x+c

**Câu 7: Ta có 2 lệnh sau :**

x:= 8;

if x>5 then x := x +1; Giá trị của x là bao nhiêu:

A. 5 B. 9 C. 8 D. 6

**Câu 8: Hãy cho biết giá trị của biến X bằng bao nhiêu sau khi thực hiện câu lệnh:**
 if (45 mod 2) = 0 then X :=X+2 Else X:=x+ 8;

 ( Biết rằng trước đó giá trị của biến X = 5)

A.7 B. 9 C. 11 D. 13

**Phần II/ Tự luận (6 điểm)**

**Câu 1** (1điểm): **Em hãy trình bày các bước tạo ra một chương trình máy tính**

**Câu 2** (1điểm): **Em hãy cho biết cấu trúc của một chương trình Pascal**

**Câu 3**: (1điểm) **Viết chương trình để:**

Tính diện tích *S* của hình tam giác với độ dài một cạnh *a* và chiều cao tương ứng *h* (*a* và *h* là các số tự nhiên được nhập vào từ bàn phím).

**Câu 4 :**  (1 điểm) **Xác định kết quả của các biểu thức sau**

1. 15 – 8 > 7 ;
2. 7\*6 +9<50;
3. Sqr(9)/3<20;
4. sqr(20 – 15) = 25 ;

**Câu 5:** ( 1 điểm) **Viết chương trình nhập vào một số nguyên, kiểm tra xem số đó là chẵn hay lẻ**

**Câu 6**(1điểm): **Viết chương trình Pascal tính số tiền phải trả cho bài toán sau:**

Một cửa hàng thực hiện chính sách khuyến mãi nếu khách hàng mua sách với tổng số tiền từ 100 nghìn đồng trở lên sẽ được giảm 40%. Ngược lại chỉ được giảm 10%. Biết khách hàng mua cùng một loại sách, đơn giá và số lượng được nhập vào từ bàn phím.

**5. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4điểm)-** Mỗi câu đúng 0.5 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| C | B | A | C | A | D | B | D |

**II . PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)**

**Câu 1: (1đ)** Các bước tạo ra một chương trình máy tính

* Viết chương trình: Tức là gõ các lệnh theo một ngôn ngữ lập trình bậc cao nào đó
* Dịch chương trình sang dạng ngôn ngữ máy bằng chương trình dịch

**Câu 2: (1đ) Cấu trúc một chương trình Pascal**

* Dòng tiêu đề khai báo bằng từ khóa Program (có thể có hoặc không)
* Phần khai báo: khai báo biến, khai báo hằng
* Phần thân: bắt đầu bằng từ khóa Begin và kết thúc bằng từ khóa End.

**Câu 3: (1đ)** Tính diện tích *S* của hình tam giác

*Program tam\_giac;*

*Var a,h:integer;*

 *S:real;*

*Begin*

 *Write(‘Nhap chieu cao va canh day= ’); readln(a,h);*

 *S:=a\*h/2;*

 *Writeln(‘dien tich hinh tam giac la: ’,s:4:2);*

*readln*

*End.*

**Câu 4: (1điểm)**

Mỗi câu đúng 0.25 điểm.

1. 15 – 8 > 7; (Sai)
2. 7\*6 +9<50; (Sai)
3. Sqr(9)/3<20; (Sai)
4. Sqr(20 – 15) = 25; (đúng)

**Câu 5: (1đ)** chẵn lẻ

 Program chanle;

 Var x: integer;

 Begin

 Write(‘nhap vao so nguyen x:’);readln(x);

 If x mod 2=0 then Write(‘day la so chan’) else write(‘day la so le’);

 Readln;

 End.

**Câu 6: (1điểm)**

Var soluong:integer;

 Dongia, tongtien, tientra: Real;

Begin

 Write(‘nhap vao so luong va don gia:’); readln(soluong, dongia);

Tongtien:=dongia\*soluong;

If tongtien>=100000 then tientra:=60/100\*tongtien else tientra:=90/100\*tongtien;

Write(‘ so tien phai tra khi mua sach la:’,tientra:6:2);

Readln;

End.